

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng  
11 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 11 năm 2021 như sau:

**I. Báo cáo số liệu khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam (Phụ lục I)**

**1. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong tháng 10 năm 2021**

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong tháng 10 năm 2021 đạt 57,1 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ), tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 16,53 triệu tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt gần 15 triệu tấn, giảm 21% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 25,34 triệu tấn, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 0,243 triệu tấn, tăng 129 % so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển trong tháng 10 năm 2021 là 1,65 triệu Teus, giảm 19% so với năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 0,554 triệu Teus, giảm 14% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 0,504 triệu Teus, giảm 23% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 0,591 triệu Teus, giảm 19% so với cùng kỳ năm 2020.

**2. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng đầu năm 2021**

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng đầu năm 2021 đạt gần 588,2 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng), tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 152.459.473 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 181.353.018 tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 252.773.017 tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ 1.611.147 tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 10 tháng đầu năm 2021 đạt hơn: 20 triệu Teus, tăng 10% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 6,569 triệu Teus, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 6,550 triệu Teus, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 6,888 triệu Teus, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020.

3. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 11 tháng năm 2021 là: 647 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng xuất khẩu đạt 167,704 triệu tấn, tăng 4% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 199,5 triệu tấn, giảm 3% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 278 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 1,77 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Ước khối lượng hàng container thông qua cảng biển 11 tháng đầu năm 2021 là: 22,008 triệu Teus, tăng 8% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu ước đạt 7,226 triệu Teus, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu ước đạt 7,205 triệu Teus, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa ước đạt 7,577 triệu Teus, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020.

#### 4. Nhận xét

##### a) Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng đầu năm năm 2021

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 10 tháng đầu năm năm 2021 tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong tháng 10 cao hơn so 4% với tháng trước. Do dịch bệnh Covid-19 trong tháng 10 dần được kiểm soát, khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng, hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục trong trạng thái bình thường mới dẫn đến sản lượng hàng hóa xuất khẩu tăng nhẹ. Điều này tác động tích cực đến lưu lượng hàng hóa vận chuyển nói chung và hàng hóa đường biển nói riêng.

Các khu vực cảng biển có sản lượng 10 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước gồm có: Quảng Ngãi tăng 37 % (từ 27,4 triệu tấn lên 37,6 triệu tấn), lượng tăng chủ yếu là nhập khẩu hàng khô, tổng hợp; khu vực Quy Nhơn tăng 16% (từ 8,2 triệu tấn tăng lên 9,4 triệu tấn); khu vực Hải Phòng tăng 9% (từ 69,8 triệu tấn lên 76 triệu tấn). Khu vực cảng biển có lượng hàng thông qua cảng biển lớn nhất nước bị ảnh hưởng từ việc thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16 CT-TTg của Chính phủ

nhưng vẫn giữ mức tăng trưởng như: khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 4% (từ 134 triệu tấn lên 139,4 triệu tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Các khu vực cảng biển có sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển giảm gồm có: Quảng Ninh giảm gần 13% (từ 92 triệu tấn xuống 80,4 triệu tấn), mức giảm chủ yếu là do khối lượng hàng hàng khô và tổng hợp nhập khẩu giảm xấp xỉ 50% so với cùng kỳ năm trước; Bình Thuận giảm 16% (từ 14,4 triệu tấn xuống 12,1 triệu tấn), Đồng Nai giảm gần 4% (từ 18 triệu tấn xuống 17,3 triệu tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển trong 10 tháng đầu năm 2021 tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các khu vực có khối lượng hàng container thông qua lớn đều có mức tăng trưởng dương như: Khu vực Vũng Tàu tăng 15% (từ 6,1 triệu Teus tăng lên 7 triệu Teus); khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 3% (từ 6,3 triệu Teus lên 6,5 triệu Teus); khu vực Hải Phòng tăng 14% (từ 4,2 triệu Teus lên 4,8 triệu Teus) và khu vực Đồng Nai tăng 6% (từ 622.211 Teus lên 661.098 Teus) so với cùng kỳ năm trước. Một số khu vực giảm như: khu vực Thanh Hóa giảm 51% (từ 11.580 Teus xuống 5.794 Teus); khu vực Cần Thơ giảm 21% (từ 11.930 Teus xuống 5.794 Teus), khu vực Nghệ An giảm 11% (61.988 Teus xuống 55.358 Teus) so với cùng kỳ năm 2020.

- Số lượt hành khách thông qua cảng biển 10 tháng năm 2021 đạt 3 triệu lượt, giảm 41% so với cùng kỳ năm trước.

b) Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong tháng 10 năm 2021

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong tháng 10 năm 2021 vẫn đạt tốc độ tăng trưởng dương nhưng ở mức độ thấp so với cùng kỳ năm 2020 (4%), mặc dù khối lượng hàng hóa xuất khẩu, hàng nội địa và hàng quá cảnh bốc dỡ thông qua cảng biển vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên sản lượng hàng hóa nhập khẩu thông qua cảng biển giảm mạnh (21%) so với cùng kỳ năm 2020. Mức độ tăng thấp của khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển nói chung cũng như của hàng xuất khẩu thông qua cảng biển nói riêng trong tháng 10 là do sự sụt giảm mạnh lượng hàng container (giảm 19% so với cùng kỳ năm 2020). Tuy lượng hàng container giảm mạnh thì ngược lại khối lượng hàng khô lại đạt tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm ngoài (tăng 20%). Khối lượng hàng lỏng thông qua cảng biển trong tháng 10 tương đương với cùng kỳ năm trước.

Số lượt hành khách thông qua cảng biển tháng 10 năm 2021 đạt 45.220 lượt, giảm 84% so với cùng kỳ năm 2020, do dịch Covid - 19 kéo dài, đồng thời một số khu vực thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã dừng tàu khách tuyến

từ bờ ra đảo như khu vực Kiên Giang, phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng.

## II. Lượt tàu thuyền thông qua cảng biển (Phụ lục II)

Lượt tàu biển thông qua 10 tháng năm 2021, cụ thể:

- Lượt tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài thông qua đạt 59.191 lượt tăng 30% so với cùng kỳ năm 2020 (chủ yếu là tàu nhỏ dưới 200 DWT hoạt động ở khu vực Quảng Ninh).

- Lượt tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam thông qua đạt 52.521 lượt, tăng 3% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

+ Tàu xuất nhập cảnh đạt 5.901 lượt, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Tàu chạy tuyến nội địa đạt 46.620 lượt, tăng 2% với cùng kỳ năm 2020.

## III. Khối lượng, lượt phương tiện thủy nội địa thông qua cảng biển 10 tháng năm 2021 (Phụ lục II)

### 1. Lượt phương tiện thủy nội địa thông qua cảng biển 10 tháng, cụ thể:

Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 292.344 lượt, giảm 6% với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 40.558 lượt, giảm 1% so với năm 2020 và chiếm 13% tổng lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

2. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng tàu biển và phương tiện thủy nội địa 10 tháng đầu năm 2021 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 368,041 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 178,184 tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 50 triệu tấn, tăng 46% so với năm 2020, chiếm 28% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

## IV. Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines quản lý trong tháng 10 năm 2021 (Phụ lục II):

Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của các cảng do Vinalines quản lý đạt 75,9 triệu tấn, giữ nguyên so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13 % tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

- Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 19,3 triệu tấn, chiếm 25,4%; thứ hai là Cảng Sài Gòn đạt 10 triệu tấn, chiếm 13 % so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý;

- Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất là 54 %, Cảng Sài Gòn tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Cảng có tốc độ giảm nhiều nhất là Cảng CMIT, giảm 56% so với cùng kỳ năm trước.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Hoàng Hồng Giang**

**Phụ lục I**

Biểu số 28-T

Ngày báo cáo: 15/11/2021

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhân báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

**THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN**  
**Tháng 11/2021**

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	<b>Tổng số</b>	<b>1000 tấn</b>	<b>725.367</b>	<b>588.196</b>	<b>58.819</b>	<b>647.011</b>	<b>631.522</b>	<b>102%</b>	<b>89%</b>
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		152.459	15.246	167.704	161.162		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		181.353	18.135	199.487	205.881		
	Hàng nội địa	1000 tấn		252.773	25.277	278.048	262.776		
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		1.611	161	1.772	1.703		
	Chia ra								
<u>1</u>	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252.253</u>	<u>200.984</u>	<u>20.098</u>	<u>221.082</u>	<u>218.408</u>		
-	-	<u>1000 Teus</u>	<u>24.884</u>	<u>20.008</u>	<u>2.001</u>	<u>22.008</u>	<u>20.296</u>	<b>108%</b>	<b>88%</b>
	Xuất khẩu	1000 Tấn		64.229	6.423	70.652	67.694		
		1000 Teus		6.569	657	7.226	6.692		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		69.683	6.968	76.651	71.141		
		1000 Teus		6.550	655	7.205	6.545		
	Nội địa	1000 Tấn		67.072	6.707	73.779	79.573		
		1000 Teus		6.888	689	7.577	7.059		
<u>2</u>	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81.927</u>	<u>62.365</u>	<u>6.236</u>	<u>68.599</u>	<u>71.000</u>	<b>97%</b>	<b>84%</b>
	Xuất khẩu	1000 tấn		3.967	397	4.364	6.456		
	Nhập khẩu	1000 tấn		20.119	2.012	22.131	24.815		
	Nội địa	1000 tấn		38.277	3.828	42.105	39.729		
<u>3</u>	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391.187</u>	<u>323.235</u>	<u>32.323</u>	<u>355.557</u>	<u>340.411</u>	<b>104%</b>	<b>91%</b>
	Xuất khẩu	1000 tấn		84.262	8.426	92.688	87.012		
	Nhập khẩu	1000 tấn		91.550	9.155	100.705	109.925		
	Nội địa	1000 tấn		147.422	14.742	162.164	143.474		
<u>4</u>	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79.435</u>	<u>63.235</u>	<u>6.324</u>	<u>69.559</u>	<u>70.693</u>	<b>98%</b>	<b>88%</b>

**PHỤ LỤC II**  
**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 10 NĂM 2021**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
<b>I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng</b>								
<b>1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua</b>								
<b>1.1.1. Tổng số lượt tàu biển</b>	<b>lượt</b>	12.985	8.364	155%	111.712	96.694	116%	
1.1.1.1. Tàu ngoại	lượt	8.319	3.852	216%	59.191	45.667	130%	
1.1.1.2. Tàu nội	lượt	4.666	4.512	103%	52.521	51.027	103%	
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	548	437	125%	5.901	5.178	114%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	4.128	4.075	101%	46.620	45.903	102%
<b>1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng</b>	<b>tấn</b>	<b>57.097.109</b>	<b>54.851.284</b>	<b>104,1%</b>	<b>588.196.655</b>	<b>572.916.950</b>	<b>103%</b>	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	16.530.312	14.323.948	115%	152.459.473	144.766.117	105%
	+ Nhập khẩu	tấn	14.984.840	18.857.973	79%	181.353.018	187.845.937	97%
	+ Nội địa	tấn	25.339.279	21.563.379	118%	252.773.017	238.641.207	106%
	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	tấn	242.678	105.984	229%	1.611.147	1.663.689	97%
	+ container	tấn	17.617.738	21.039.965	84%	200.984.855	196.019.753	103%
	+ container	teus	1.648.843	2.030.013	81%	20.008.079	18.123.218	110%
	+ Hàng lỏng	tấn	5.677.095	5.696.094	100%	62.365.071	64.508.202	97%
+ Hàng kho	tấn	33.559.598	28.009.241	120%	323.235.582	310.725.306	104%	
<b>1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua</b>								
<b>1.2.1. Tổng số PTTND</b>	<b>Lượt</b>	26.968	29.788	91%	292.344	312.639	94%	
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB	Lượt	2.744	1.976	139%	40.558	40.807	99%	

<b>1.2.2. Tổng số tấn PTTND</b>		<b>tấn</b>	17.378.554	18.358.467	95%	178.184.759	185.856.082	96%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	4.238.804	2.238.843	189%	49.913.148	34.263.989	146%
<b>1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển</b>								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		<b>tấn</b>	57.097.109	54.851.284	104%	580.795.083	572.916.950	101%
<b>Trong đó</b>	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	39.718.555	36.492.817	109%	402.610.324	387.060.868	104,0%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	17.378.554	18.358.467	95%	178.184.759	185.856.082	96%
<b>II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý</b>		<b>Triệu tấn</b>	<b>7,024</b>	<b>7,660</b>	<b>92%</b>	<b>75,906</b>	<b>75,763</b>	<b>100%</b>
Công ty CP Cảng Quảng Ninh		Triệu tấn	0,648	0,514	<b>126%</b>	5,598	4,474	125%
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh		Triệu tấn	0,587	0,380	<b>154%</b>	3,517	3,300	107%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)		Triệu tấn	1,860	1,830	102%	19,376	19,694	98%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)		Triệu tấn	0,033	0,031	106%	0,281	0,232	121%
Cảng Cửa Lò		Triệu tấn	0,22	0,3	73%	3,190	3,040	105%
Cảng Bến Thủy		Triệu tấn	0,04	0,02	200%	0,370	0,320	116%
Cảng Tiên Sa		Triệu tấn	0,63	0,741	85%	7,291	7,550	97%
Cảng Ba Ngòi		Triệu tấn	0,079	0,108	73%	1,466	1,395	105%
Cảng Sài Gòn		Triệu tấn	0,99	0,66	150%	10,190	7,640	133%
Cảng CMIT		Triệu tấn	0,57	1,3	44%	7,460	11,490	65%
Cảng SP-PSA		Triệu tấn	0,46	0,56	82%	6,150	5,076	121%
Cảng SSIT		Triệu tấn	0,77	1,04	74%	9,170	9,486	97%
Cảng Cái Cui		Triệu tấn	0,048	0,045	107%	0,768	0,495	155%
Cảng Hoàng Diệu		Triệu tấn	0,047	0,062	76%	0,487	0,842	58%
Cảng Vinalines Hậu Giang		Triệu tấn	0,0418	0,069	61%	0,592	0,729	81%
<b>III. Hàng hóa quá cảnh</b>								
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh		Tấn	6.163.259	6.900.559	89%	64.307.789	66.226.397	97%
Lượt Hành khách thông qua		Lượt khách	45.220	285.003	16%	3.002.796	5.102.206	59%



